

Số: /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực
Địa chất & Khoáng sản, Tài nguyên nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND Thành phố**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên

nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 2738/SNNMT-VP ngày 29/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 48 thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất & Khoáng sản, Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND thành phố Hà Nội, gồm: 28 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố, 18 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, 02 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện. Trong đó có 25 thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất & Khoáng sản, Tài nguyên nước áp dụng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gồm: 15 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND Thành phố, 09 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, 01 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

(Kèm theo Quyết định là Phụ lục danh mục 48 thủ tục hành chính và Phụ lục mức thu lệ phí một số thủ tục hành chính lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản)

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này, đề xuất Trung tâm phục vụ Hành chính công ban hành quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các Quyết định số: 1838/QĐ-UBND ngày 01/6/2022, 2181/QĐ-UBND ngày 12/4/2023, 3816/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố.

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ KS TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND;
- UBNDTP: Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Trung tâm thông tin điện tử Thành phố;
- TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, Chi nhánh thuộc TT;
- Lưu : VT, TTPVHCC.

GIÁM ĐỐC

Cù Ngọc Trang

Phụ lục 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN THÀNH PHỐ, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (23 DANH MỤC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (20 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
1	5	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá. - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; - Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			nghiệp và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.						- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	6	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá. - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; - Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.						sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
3	17	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Không quá 87 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 53 ngày làm việc Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản - Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò: không quá 28 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc	Không quá 60 ngày làm việc (giảm 31,%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định quy định về đầu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
								phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc - Bước 1: Kiểm tra hồ sơ (Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc) - Bước 2: Thẩm định hồ sơ (Trong thời gian không quá 32 ngày làm việc) - Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 07 ngày làm việc)	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			- Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc)					T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000	22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc - Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc) - Bước 2: Thăm định hồ sơ (trong thời gian không quá 32 ngày làm việc) - Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 07 ngày làm việc) - Bước 4: Thông báo và trả kết	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			quả hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc)					T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000	60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	1	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò	Không quá 45 ngày làm việc - Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc); - Bước 2: Thẩm định hồ sơ (trong thời gian không quá 32 ngày làm việc) - Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 07 ngày làm việc) - Bước 4: Thông báo và trả kết	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		khoáng sản	quả hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc)						22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
7	4	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	(1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 87 ngày làm việc. (2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc (3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 57 ngày làm việc. Cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 69 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 20 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 45 ngày làm việc - Về thời hạn cấp giấy phép: + Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12	(1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 60 ngày làm việc (giảm 31%). (2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc (3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T T-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			ngày làm việc + Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày làm việc + Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 06 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc	không quá 38 ngày làm việc (giảm 33,3%). Cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 46 ngày làm việc (giảm 33,3%). + Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai				cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, (chi tiết theo Phụ lục 2 – 2.1 đính kèm)	thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				thác khoáng sản: không quá 20 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 28 ngày làm việc (giảm 37,8%)) - Về thời hạn cấp giấy phép: + Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 08					- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					ngày làm việc (giảm 33,3%) + Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày làm việc + Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 04 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thông báo					

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc					
8	9	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ - không quá 03 ngày làm việc. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - không quá 32 ngày làm việc Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép - không quá 07 ngày làm việc Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép - không quá 03 ngày làm việc	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%) Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ - không quá 03 ngày làm việc. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - không quá 21 ngày làm việc (giảm 34,4%) Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép -		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				không quá 05 ngày làm việc (giảm 28,6%) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép - không quá 02 ngày làm việc (giảm 33,3%)				đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (chi tiết tại Phụ lục 2 - 2.2 kèm theo)	- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9	11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc) Bước 2: Thẩm định hồ sơ (không quá 32 ngày làm việc) Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (không quá 07 ngày làm việc) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (không quá 03 ngày làm việc)	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
								dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản <i>(chi tiết tại Phụ lục 2 – 2.2 kèm theo)</i> và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí	

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	14	1.004135	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc) Bước 2: Thẩm định hồ sơ (không quá 32 ngày làm việc) Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (không quá 07 ngày làm việc) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (không quá 03 ngày làm việc)	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	7	2.001787	Phê duyệt trữ	Không quá 184 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra đầy đủ, hợp lệ hồ sơ: không	Không quá 96 ngày làm việc		Trung tâm Phục vụ hành	Hồ sơ gửi bằng một trong các	Nộp phí thẩm định đánh giá	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		lượng khoáng sản	quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản: không quá 120 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản: không quá 58 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 03 ngày làm việc	(giảm 47,8%) - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra đầy đủ, hợp lệ hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản: không quá 60 ngày làm việc (giảm 50%) - Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản		chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (chi tiết tại Phụ lục 2 -	- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					trong báo cáo thăm dò khoáng sản: không quá 30 ngày làm việc (giảm 48,2%) - Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 03 ngày làm việc				2.3 kèm theo)	- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	8	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản							
			Phần 1: Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Không quá 48 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc) Bước 2: Thăm định hồ sơ (không quá 28 ngày làm việc) Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính;	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			cửa mỏ khoáng sản (không quá 15 ngày làm việc) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (không quá 02 ngày làm việc) Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.			nhánh số 1)	- Trực tuyến.		của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
		Phần 2: Kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Không quá 30 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (không quá 15 ngày làm việc) Bước 2: Trình, phê duyệt Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (không quá 12 ngày làm việc) Bước 3: Thông báo và trả kết quả hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc)			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	10	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Không quá 33 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc - Thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày làm việc - Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép: không quá 07 ngày làm việc	Không quá 23 ngày làm việc (giảm 30,3%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc			1)	chính.	10/2024/T T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giấy phép.	- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	12	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Không quá 18 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc - Thẩm định hồ sơ: không quá 08 ngày làm việc - Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: không quá 05 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc	Không quá 12 ngày làm việc (giảm 33,3%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01 giá y phép. năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
15	13	2.001777	Trả lại Giấy phép khai	Không quá 21 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.	Không quá 14 ngày làm việc		Trung tâm Phục vụ hành	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		thác tận thu khoáng sản	- Thẩm định hồ sơ: không quá 08 ngày làm việc. - Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: không quá 08 ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc	(giảm 33,3%)		chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16	16	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Không quá 10 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	18	1.013321	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng,			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-TBTC	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thủy lợi, thủy điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban					ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (<i>chi tiết tại Phụ lục 2 – 2.4 kèm theo</i>)	08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			nhân dân cấp tỉnh * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Thời hạn cấp giấy phép: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết						tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			quả hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác). + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời						

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp được cấp giấy phép khai thác).						
18	19	1.013322	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 10 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			tỉnh * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản. * Trong thời hạn không quá 03			1)		10/2024/T T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (chi tiết tại Phụ lục 2 – 2.5 đính kèm)	- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn cấp giấy phép: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong						Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác không sản gia hạn cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được gia hạn giấy phép khai thác). + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia						

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn cho tổ chức đề nghị gia hạn khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác).						
19	20	1.013323	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 10 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn. * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thủy lợi, thủy điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định						tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được						Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn cấp giấy phép: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			ngày làm việc. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			quan, bộ phận một cửa bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được điều chỉnh giấy phép khai thác). + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Bộ phận một cửa bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan						

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				(trong trường hợp tổ chức được điều chỉnh giấy phép khai thác).						
20	21	1.013324	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: * Trong thời hạn không quá 10 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn. * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác và thực hiện các						- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao quyết định cho phép trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được trả lại giấy phép khai thác). Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép trả lại giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Khoáng sản và quy định tại Điều 46 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.						

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
21	15	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được CQNN có TQ phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.	Không quá 57 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 35 ngày. - Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 ngày	Không quá 39 ngày (giảm 31,6%)		Sở Nông nghiệp và Môi trường Số 38 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
22	22	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b và điểm			Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội Số 38 Tô Hiệu, Hà	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2025/TTBTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025			Đồng, Hà Nội			ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
23	23	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản			Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội Số 38 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			nhóm IV. Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ; + Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (nếu có), cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn						- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				bản về các vấn đề có liên quan. + Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện chỉ thực hiện một lần. Trường hợp báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới.						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT					

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				ngày 15 tháng 01 năm 2025, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.						

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (25 DANH MỤC)
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (08 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
24	1	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 20 ngày. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ); - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
25	3	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	14 ngày			Sở Nông nghiệp và Môi trường: số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông,	Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho: + Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
							thành phố Hà Nội	+ Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.		
26	6	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện không			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày				chính.		
27	7	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 7.500.000đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500m³/ngày đêm: 5.500.000đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm: 3.000.000đ/01 đề án, báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố (sau đây viết tắt là <i>Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố</i>).

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
28	8	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. - Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 31,4%) - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. - Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Báo cáo điều chỉnh thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 3.750.000đ/01 báo cáo. + Báo cáo điều chỉnh thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500m³/ngày đêm: 2.750.000đ/01 báo cáo. + Báo cáo điều chỉnh thăm dò nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm: 1.500.000đ/01 báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					chính là 16 ngày (giảm 33,3%)					
29	17	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	14 ngày (Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết TTHC trong vòng 28 ngày)			Sở Nông nghiệp và Môi trường: số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho: + Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc + Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
								Nông nghiệp và Môi trường		
30	22	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 07 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 04 ngày làm việc (giảm 42,9%) - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 29 ngày (giảm 31%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
31	23	1.001740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	56 ngày	39 ngày (giảm 30,4%)		- Ủy ban nhân dân Thành phố: Địa chỉ: Số 12 Lê Lai, phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin để lấy ý kiến đến Ủy ban	Kinh phí Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
						- Sở Nông nghiệp và Môi trường: số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	nhân dân cấp tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường - Trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án		

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI (15 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND-TH ngày 19.3.2025				
32	2	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
33	4	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

										Tài nguyên nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
34	5	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất, trên cơ sở phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất, kết quả vận hành thử nghiệm, Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến bằng văn bản đối với kết quả vận hành thử nghiệm của công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất và việc đáp ứng yêu cầu để vận hành chính thức gửi tổ chức, cá nhân			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

35	9	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 42 ngày - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 7.500.000 đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500 m³/ngày đêm: 5.500.000 đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm: 3.000.000 đ/01 đề án, báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
36	10	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 24		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Gia hạn, điều chỉnh khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 3.750.000 đ/01 báo cáo. + Gia hạn, điều chỉnh khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500 m³/ngày đêm:	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

				thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày	ngày (giảm 31,4%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%)				2.750.000đ/01 báo cáo. + Gia hạn, điều chỉnh khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200m ³ /ngày đêm: 1.500.000đ/01 báo cáo.	trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
37	14	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc (giảm 40%) - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 14 ngày (giảm 33,3%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số

				là 15 ngày	Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 10 ngày (giảm 33,3%)					1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
38	15	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước; trong đó: - Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 42	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước; trong đó: - Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

				ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày - Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày	nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 42 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày - Trường hợp nộp cùng với					
--	--	--	--	---	---	--	--	--	--	--

					hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) + Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 31,4%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

					được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%)					
39	16	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	- Trường hợp điều chỉnh tiền cấp quyền do điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày - Các trường hợp còn lại: 21 ngày	- Trường hợp điều chỉnh tiền cấp quyền do điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) + Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 31,4%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.	

					cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%) - Các trường hợp còn lại: 14 ngày (giảm 33,3%)					
40	11	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không; - Phí thẩm định: 2.000.000 đồng/1 hồ sơ.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số

				được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày						06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.
41	12	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 14 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 09 ngày (giảm 35,7%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không; - Phí thẩm định: 1.000.000 đồng/1 hồ sơ	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

					chính là 05 ngày làm việc					
42	13	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không; - Phí thẩm định: 600.000 đồng/1 hồ sơ.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.
43	18	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 42 ngày - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5m³/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 200kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m³ dưới 3.000m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/01 đề án, báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp,	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số

				sung hoàn chỉnh là 24 ngày					nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5m³ đến dưới 1m³/giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 200kw đến dưới 1.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m³ dưới 20.000m³/ngày đêm: 6.000.000 đồng/01 đề án, báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1m³ đến dưới 2m³/giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m³/ngày đêm dưới 50.000 m³/ngày đêm: 8.500.000 đồng/01 đề án, báo cáo.	06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố. - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
44	19	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 31,4%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5m³/giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 200kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m³ dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.750.000 đồng/01 báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5m³ đến dưới	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-

				là 24 ngày	Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%)				1m3/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 200kw đến dưới 1.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m3 dưới 20.000m3/ngày đêm: 3.000.000 đồng/01 báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1m3 đến dưới 2m3/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m3 dưới 50.000m3/ngày đêm: 4.250.000 đồng/01 báo cáo.	HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố. - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
45	18	1.011512	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 20 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 14 ngày (giảm 30%) Thời gian bổ sung, hoàn		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành

					thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc					phố Hà Nội.
46	19	1.004094	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 14 ngày	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 09 ngày (giảm 35,7%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: không. - Phí thẩm định: Bằng 30% so với hồ sơ cấp mới.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố. - Quyết định số 1974/QĐ-UBND

										ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN THÀNH PHỐ, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN (23 DANH MỤC)
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (20 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
1	5	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá. - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; - Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.						158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	6	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá. - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Nông			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; - Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			nghiệp và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.						của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										- Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	17	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Không quá 87 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 53 ngày làm việc Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản - Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò: không quá 28 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc	Không quá 60 ngày làm việc (giảm 31,%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định quy định về đầu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
								trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức	tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 53/2013/TT-

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc - Bước 1: Kiểm tra hồ sơ (Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc) - Bước 2: Thẩm định hồ sơ (Trong thời gian không quá 32	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			ngày làm việc) - Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 07 ngày làm việc) - Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc)			(Chi nhánh số 1)	vụ bưu chính; - Trực tuyến.	định tại Thông tư số 10/2024/T T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc - Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc) - Bước 2: Thẩm định hồ sơ (trong thời gian không quá 32 ngày làm việc)	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			- Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 07 ngày làm việc) - Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc)			(Chi nhánh số 1)	vụ bưu chính; - Trực tuyến.	định tại Thông tư số 10/2024/T T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn	một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	1	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một	Không quá 45 ngày làm việc - Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc); - Bước 2: Thẩm định hồ sơ (trong thời gian không quá 32 ngày làm việc)	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	- Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 07 ngày làm việc) - Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (trong thời gian không quá 03 ngày làm việc)			(Chi nhánh số 1)	vụ bưu chính; - Trực tuyến		Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	4	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	(1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 87 ngày làm việc. (2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc (3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 57 ngày làm việc. Cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 69 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 20 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 45 ngày làm việc	(1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 60 ngày làm việc (giảm 31%). (2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc (3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư 45/2016/TT-

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			- Về thời hạn cấp giấy phép: + Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày làm việc + Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày làm việc + Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 06 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc	đầu tư xây dựng công trình: không quá 38 ngày làm việc (giảm 33,3%). Cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 46 ngày làm việc (giảm 33,3%). + Đối với				trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, (chi tiết theo Phụ lục 2 – 2.1 đính kèm)	BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đầu

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 20 ngày làm việc. + Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 28 ngày làm việc (giảm 37,8%)) - Về thời hạn cấp giấy phép: + Đối với Giấy phép khai thác					giá quyền khai thác khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					khoáng sản: không quá 08 ngày làm việc (giảm 33,3%) + Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày làm việc + Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 04 ngày làm việc (giảm					

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					33,3%) - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc					
8	9	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ - không quá 03 ngày làm việc. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - không quá 32 ngày làm việc Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép - không quá 07 ngày làm việc Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép - không quá 03 ngày làm việc	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%) Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ - không quá 03 ngày làm việc. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - không quá 21 ngày làm việc (giảm 34,4%) Bước 3:		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép - không quá 05 ngày làm việc (giảm 28,6%) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép - không quá 02 ngày làm việc (giảm 33,3%)				lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (<i>chi tiết tại Phụ lục 2 - 2.2 kèm theo</i>)	trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9	11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc) Bước 2: Thẩm định hồ sơ (không quá 32 ngày làm việc) Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (không quá 07 ngày làm việc) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (không quá 03 ngày làm việc)	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (chi tiết tại Phụ lục 2 – 2.2 kèm theo)	hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	14	1.004135	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Không quá 45 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc) Bước 2: Thẩm định hồ sơ (không quá 32 ngày làm việc) Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ cấp phép (không quá 07 ngày làm việc) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (không quá 03 ngày làm việc)	Không quá 31 ngày làm việc (giảm 31,1%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
11	7	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Không quá 184 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra đầy đủ, hợp lệ hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản: không quá 120 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản: không quá 58 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 03 ngày làm việc	Không quá 96 ngày làm việc (giảm 47,8%) - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra đầy đủ, hợp lệ hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản: không quá 60 ngày làm việc (giảm 50%) - Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					duyet trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản: không quá 30 ngày làm việc (giảm 48,2%) - Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 03 ngày làm việc				khoáng sản (chi tiết tại Phụ lục 2 - 2.3 kèm theo)	duyet trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	8	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản							
			Phần 1: Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ	Không quá 48 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc) Bước 2: Thăm định hồ sơ			Trung tâm Phục vụ hành chính công	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp;	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		khoáng sản	(không quá 28 ngày làm việc) Bước 3: Trình, phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (không quá 15 ngày làm việc) Bước 4: Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp phép (không quá 02 ngày làm việc) Thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính.			thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	- Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.		tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
		Phần 2: Kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Không quá 30 ngày làm việc Bước 1: Tiếp nhận, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (không quá 15 ngày làm việc) Bước 2: Trình, phê duyệt Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (không quá 12 ngày làm việc) Bước 3: Thông báo và trả kết quả hồ sơ (không quá 03 ngày làm việc)			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	10	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu	Không quá 33 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc - Thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày làm việc	Không quá 23 ngày làm việc (giảm 30,3%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp;	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		khoáng sản	- Trình hồ sơ, quyết định cấp giấy phép: không quá 07 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc			Hà Nội (Chi nhánh số 1)	- Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-TBTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giá	Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									y phép.	Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	12	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Không quá 18 ngày làm việc - Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc - Thẩm định hồ sơ: không quá 08 ngày làm việc - Thời hạn giải quyết gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: không quá 05 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc	Không quá 12 ngày làm việc (giảm 33,3%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/T-T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
									chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01 giá y phép.	- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
15	13	2.001777	Trả lại	Không quá 21 ngày làm việc	Không quá		Trung	Hồ sơ gửi	Không	- Luật khoáng sản số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Kiểm tra hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ: không quá 08 ngày làm việc. - Thời hạn giải quyết trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: không quá 08 ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc	14 ngày làm việc (giảm 33,3%)		tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.		60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16	16	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Không quá 10 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	18	1.013321	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thủy			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			lợi, thủy điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thủy lợi, thủy điện, tôn giáo,			1)		10/2024/T-T-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (chi tiết tại Phụ lục 2 – 2.4 kèm theo)	- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Thời hạn cấp giấy phép: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm						Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác). + Đối với tổ chức quy định tại						

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp được cấp giấy phép khai thác).						
18	19	1.013322	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 10 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
		IV	chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử			(Chi nhánh số 1)		Thông tư số 10/2024/T T-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (chi tiết tại Phụ lục 2 – 2.5 đính kèm)	tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			dụng khoáng sản. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn cấp giấy phép: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc						11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác không sản gia hạn cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được gia hạn giấy phép khai thác). + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy						

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn cho tổ chức đề nghị gia hạn khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác).						
19	20	1.013323	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 10 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn. * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Đối với trường hợp trả lại			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thủy lợi, thủy điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có						- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ						BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đề điều, thủy lợi, thủy điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn cấp giấy phép: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: + Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn						

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được điều chỉnh giấy phép khai thác). + Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Bộ phận một cửa bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản						

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan (trong trường hợp tổ chức được điều chỉnh giấy phép khai thác).						
20	21	1.013324	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: * Trong thời hạn không quá 10 ngày. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn. * Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. * Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; * Trong thời hạn không quá 05			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định nêu trên, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Thời hạn giải quyết trả lại giấy phép khai thác khoáng sản: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: * Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ						định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. * Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao quyết định cho phép trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân (trong trường hợp tổ chức, cá nhân được trả lại giấy phép khai thác). Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép trả lại giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Khoáng sản và quy định tại Điều 46 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.						BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
21	15	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được CQNN có TQ phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.	Không quá 57 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 35 ngày. - Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 ngày	Không quá 39 ngày (giảm 31,6%)		Sở Nông nghiệp và Môi trường Số 38 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
										sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
22	22	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b và điểm			Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội Số 38 Tô Hiệu, Hà	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				c khoản 4 Điều 5 Thông tư số 01/2025/TTBTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025			Đồng, Hà Nội			ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
23	23	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản			Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội Số 38 Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội	Hồ sơ được nộp trực tiếp	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			nhóm IV. Trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ; + Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (nếu có), cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn						- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				bản về các vấn đề có liên quan. + Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện chỉ thực hiện một lần. Trường hợp báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không phát sinh nội dung yêu cầu mới.						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới. - Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành nội dung quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT					

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
				ngày 15 tháng 01 năm 2025, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc xác nhận hoặc không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV và thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Trong trường hợp không xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.						

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (25 DANH MỤC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (08 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
24	1	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 20 ngày. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ); - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
25	3	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	14 ngày			Sở Nông nghiệp và Môi trường; số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông,	Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho: + Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
							thành phố Hà Nội	+ Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.		
26	6	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện không			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ- BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
			thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày				chính.		
27	7	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 7.500.000đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500m³/ngày đêm: 5.500.000đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm: 3.000.000đ/01 đề án, báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố (sau đây viết tắt là <i>Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố</i>).

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
28	8	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Báo cáo điều chỉnh thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 3.750.000đ/01 báo cáo. + Báo cáo điều chỉnh thăm dò nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500m³/ngày đêm: 2.750.000đ/01 báo cáo. + Báo cáo điều chỉnh thăm dò nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm: 1.500.000đ/01 báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.
				- Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	- Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 31,4%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn					

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
					chính là 16 ngày (giảm 33,3%)					
29	17	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	14 ngày (Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết TTHC trong vòng 28 ngày)			Sở Nông nghiệp và Môi trường: số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho: + Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc + Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ- CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ- BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
								Nông nghiệp và Môi trường		
30	22	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 07 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 04 ngày làm việc (giảm 42,9%) - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 29 ngày (giảm 31%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
31	23	1.001740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	56 ngày	39 ngày (giảm 30,4%)		- Ủy ban nhân dân Thành phố: Địa chỉ: Số 12 Lê Lai, phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin để lấy ý kiến đến Ủy ban	Kinh phí Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CD- TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
						- Sở Nông nghiệp và Môi trường: số 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	nhân dân cấp tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường - Trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án		

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI (15 DANH MỤC)

STT		Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND-TH ngày 19.3.2025				
32	2	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
33	4	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

										Tài nguyên nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
34	5	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất, trên cơ sở phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất, kết quả vận hành thử nghiệm, Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến bằng văn bản đối với kết quả vận hành thử nghiệm của công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất và việc đáp ứng yêu cầu để vận hành chính thức gửi tổ chức, cá nhân			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

35	9	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 42 ngày - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 7.500.000 đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500 m³/ngày đêm: 5.500.000 đ/01 đề án, báo cáo. + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm: 3.000.000 đ/01 đề án, báo cáo.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
36	10	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 24		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Gia hạn, điều chỉnh khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 1.500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 3.750.000 đ/01 báo cáo. + Gia hạn, điều chỉnh khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng từ 200 đến dưới 1.500 m³/ngày đêm:	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

				thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày	ngày (giảm 31,4%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%)				2.750.000đ/01 báo cáo. + Gia hạn, điều chỉnh khai thác, sử dụng nước dưới đất lưu lượng nhỏ hơn 200m ³ /ngày đêm: 1.500.000đ/01 báo cáo.	trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
37	14	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc (giảm 40%) - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 14 ngày (giảm 33,3%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số

				là 15 ngày	Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 10 ngày (giảm 33,3%)					1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
38	15	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước; trong đó: - Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 42	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước; trong đó: - Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

				ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày - Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày	nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 42 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày - Trường hợp nộp cùng với					
--	--	--	--	---	---	--	--	--	--	--

					hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) + Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 31,4%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

					được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%)					
39	16	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	- Trường hợp điều chỉnh tiền cấp quyền do điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc + Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày - Các trường hợp còn lại: 21 ngày	- Trường hợp điều chỉnh tiền cấp quyền do điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác tài nguyên nước: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) + Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 31,4%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.

					cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%) - Các trường hợp còn lại: 14 ngày (giảm 33,3%)					
40	11	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không; - Phí thẩm định: 2.000.000 đồng/1 hồ sơ.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số

				được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày						06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.
41	12	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 14 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 09 ngày (giảm 35,7%) Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không; - Phí thẩm định: 1.000.000 đồng/1 hồ sơ	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.

					chính là 05 ngày làm việc					
42	13	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không; - Phí thẩm định: 600.000 đồng/1 hồ sơ.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố.
43	18	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 42 ngày - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ			Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5m³/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 200kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m³ dưới 3.000m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/01 đề án, báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp,	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số

				sung hoàn chỉnh là 24 ngày					nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5m³ đến dưới 1m³/giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 200kw đến dưới 1.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m³ dưới 20.000m³/ngày đêm: 6.000.000 đồng/01 đề án, báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1m³ đến dưới 2m³/giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m³/ngày đêm dưới 50.000 m³/ngày đêm: 8.500.000 đồng/01 đề án, báo cáo.	06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố. - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
44	19	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 35 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 24 ngày (giảm 31,4%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: Không. - Phí thẩm định: + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5m³/giờ; để phát điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 200kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m³ dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.750.000 đồng/01 báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5m³ đến dưới	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-

				là 24 ngày	Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 16 ngày (giảm 33,3%)				1m3/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 200kw đến dưới 1.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m3 dưới 20.000m3/ngày đêm: 3.000.000 đồng/01 báo cáo. + Cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1m3 đến dưới 2m3/giây; để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m3 dưới 50.000m3/ngày đêm: 4.250.000 đồng/01 báo cáo.	HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố. - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
45	18	1.011512	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 20 ngày Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 14 ngày (giảm 30%) Thời gian bổ sung, hoàn		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND thành

					thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc					phố Hà Nội.
46	19	1.004094	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc - Thời hạn thẩm định báo cáo: 14 ngày	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc (giảm 33,3%) - Thời hạn thẩm định báo cáo: 09 ngày (giảm 35,7%)		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Chi nhánh số 1)	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Trực tuyến; - Qua dịch vụ bưu chính.	- Lệ phí cấp giấy phép: không. - Phí thẩm định: Bằng 30% so với hồ sơ cấp mới.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố. - Quyết định số 1974/QĐ-UBND

										ngày 10/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (02 DANH MỤC)**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
47	1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	14 ngày		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Chi nhánh số 01-12	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 02 tờ khai cho + Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc + Ủy ban nhân dân cấp xã - Trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp huyện trả tờ khai đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
48	2	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	42 ngày	29 ngày (giảm 31%)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Chi nhánh số 01-12	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin để lấy ý kiến đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và phòng Tài nguyên và Môi trường - Trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án	Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chỉ trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (02 DANH MỤC)**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết			Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09.3.2025	Văn bản số 991/UBND -TH ngày 19.3.2025				
47	1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	14 ngày		Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Chi nhánh số 01-12	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 02 tờ khai cho + Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc + Ủy ban nhân dân cấp xã - Trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp huyện trả tờ khai đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
48	2	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	42 ngày	29 ngày (giảm 31%)	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Chi nhánh số 01-12	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo tài liệu, nội dung thông tin để lấy ý kiến đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và phòng Tài nguyên và Môi trường - Trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án	Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chỉ trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phụ lục 2**MỨC THU LỆ PHÍ MỘT SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

((Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội))

2.1: MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

- Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	20.000.000
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số	

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
	10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	60.000.000
5	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

- **Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:** không thu phí, lệ phí.

2.2: MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	500.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	5.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	7.500.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	10.000.000
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05	30.000.000

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
	tháng 02 năm 2024	
5	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

2.3: PHÍ THĂM ĐỊNH ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

STT	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)	Mức phí
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

2.4: MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	20.000.000
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	30.000.000

2. 5: MỨC THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

STT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	20.000.000
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024	30.000.000

3. Khai thác tận thu: Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

4. Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu nêu trên./.